

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **Năm 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ  
DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀ NỘI**

Hà Nội, tháng 04 năm 2020



## MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	3
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	7
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	10
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....	12
V. Quản trị công ty: .....	11
VI. Báo cáo tài chính .....	15



10/0  
BAN  
2019

**I. Thông tin chung:**

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0100105729
- Vốn điều lệ: 14.400.000.000
- Địa chỉ: Số 27/785 đường Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0243. 8642 881
- Số fax: 0243. 8642 881
- Email: Cty\_vtdvhh@transerco.com.vn
- Website: http://www.vantaihanoi.com.vn
- Mã cổ phiếu: HHN

2. Quá trình hình thành và phát triển.

Ngày tháng	Sự kiện tiêu biểu
16/05/1966	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội được thành lập với tên gọi Công ty Vận tải Hàng hóa Hà Nội trực thuộc Sở giao thông Vận tải Hà Nội. Tiền thân Công ty Vận tải Hàng hóa Hà Nội là hai đơn vị: Xí nghiệp công tư hợp doanh ô tô số 2 và Xí nghiệp công tư hợp doanh ô tô số 3.
07/09/1996	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội có quyết định số 2492/QĐ-UB đổi tên Công ty thành Công ty Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội
16/06/1999	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội có Quyết định 2480/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội.
Từ tháng 05 năm 2004 đến Nay	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội trở thành thành viên của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

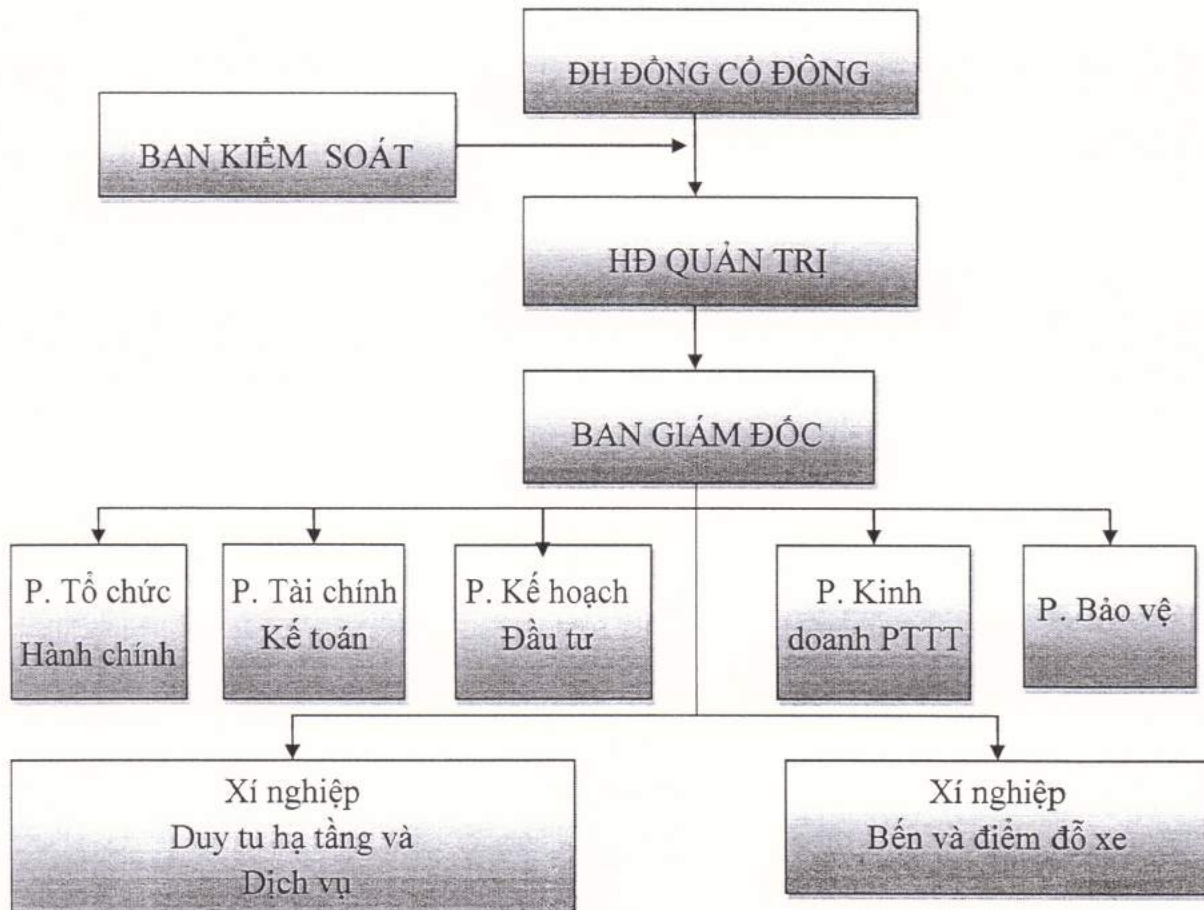
- Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Hệ thống chiếu sáng;
- Sửa chữa thiết bị điện, Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chiếu sáng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; hoạt động bảo dưỡng các công trình giao thông, các thiết bị phục vụ giao thông; Đầu tư xây dựng bến xe ô tô khách;

**Báo cáo thường niên năm 2019**

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
  - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: đào tạo công nhân lái xe mô tô và ô tô; Đào tạo công nhân chuyên ngành giao thông vận tải (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
  - Sản xuất xe có động cơ; lắp ráp ô tô;
  - Sản xuất mô tô, xe máy: lắp ráp xe máy;
  - Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu: lắp ráp các phương tiện vận tải khác;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh bất động sản (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Địa bàn kinh doanh:
- + Số 27/785 Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
  - + Số 2 Lãng Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - + 23 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - + 292 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàng Kiếm, Hà Nội.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  - Cơ cấu bộ máy quản lý.





5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - + Tiếp tục giữ vững ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường vận tải hàng hóa có nhiều khó khăn, đảm bảo đời sống, việc làm cho đội ngũ người lao động trong Công ty.
  - + Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên nghiệp hóa, tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ quản lý, thị trường. Tập huấn nâng cao nghiệp vụ bảo vệ, kiểm soát của nhân viên kiểm soát Công ty.
  - + Đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự tại Công ty, an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giữ gìn vệ sinh môi trường.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
  - + Tuân thủ đầy đủ các Luật định, các Quyết định, Công ước, tiêu chuẩn liên quan của Việt Nam và Quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, bảo vệ môi trường và tuyệt đối an toàn trong các hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty.
  - + Thường xuyên nâng cấp, đổi mới trang thiết bị, công nghệ; nâng cao trình độ chuyên môn, phong cách chuyên nghiệp, cải tiến liên tục nhằm thoả mãn nhu cầu của khách hàng và chính quyền nơi Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội đang hoạt động.

Handwritten signatures and marks at the bottom of the page.



+ Ngăn ngừa, giảm thiểu các rủi ro, ô nhiễm môi trường cũng như các thương tổn hay bệnh tật giúp tránh được thiệt hại về tính mạng, tài sản, môi trường trong tất cả các hoạt động của Công ty. Tạo ra và duy trì môi trường sản xuất kinh doanh dịch vụ an toàn đảm bảo chất lượng.

6. Các rủi ro.

a) Rủi ro về kinh tế:

➤ **Rủi ro về tốc độ tăng trưởng và lạm phát**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02% so với năm 2018. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,6% đến 6,8 và là năm thứ hai liên tiếp tăng trên 7% kể từ năm 2011, khẳng định tính kịp thời hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng chung của toàn bộ nền kinh tế; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01% chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9% chiếm tỷ trọng 34,49% GDP; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, chiếm tỷ trọng 41,64% GDP. Ngoài ra chỉ số CPI bình quân năm 2019 tăng 2,73% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018.

➤ **Rủi ro về lãi suất, nguồn vốn**

Tình hình lãi suất chủ yếu có xu hướng đi ngang ở các kỳ hạn ngắn và được các ngân hàng điều chỉnh tăng nhẹ ở các kỳ hạn dài. Về cơ bản, kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến ở mức 4,3 - 5,5%/năm; kỳ hạn 6 - 12 tháng phổ biến từ 5,5 - 6,6%/năm; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 6,8%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến khoảng 5,5 - 7%/năm, trung và dài hạn từ 7 - 9,5%/năm. Theo số liệu từ NHNN, thậm chí khách hàng tốt được vay lãi suất ngắn hạn khoảng 4,5 - 5%/năm.

b) Rủi ro về luật pháp:

- Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Là doanh nghiệp Nhà nước chuyên sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật đất đai... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra sau khi chuyển đổi, Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện, tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của các doanh nghiệp.

- Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

c) Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro trên, các rủi ro như thiên tai, dịch bệnh... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu.

Báo cáo thường niên năm 2019

**II. Tình hình hoạt động trong năm:****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Doanh thu năm 2019: đạt 103,7% kế hoạch. Trong đó:

- Lĩnh vực cho thuê kho, ki ốt: đạt 107,2% kế hoạch do Công ty đã tập trung nguồn lực đầu tư, cải tạo sửa chữa kho và ki ốt để nâng cao chất lượng phục vụ, kịp thời giải quyết các đề xuất, kiến nghị của khách hàng. Đồng thời Công ty cũng tăng cường công tác khảo sát điều tra thị trường để đề ra chính sách giá cho thuê kho, ki ốt phù hợp trong từng giai đoạn.

- Lĩnh vực kinh doanh thông giữ phương tiện: đạt 78% kế hoạch, nguyên nhân do lĩnh vực vận tải đường bộ trong năm 2019 chịu sự cạnh tranh lớn với các lĩnh vực vận tải khác, đặc biệt là vận tải bằng đường sắt và nhiều bãi thông giữ phương tiện trên địa bàn.

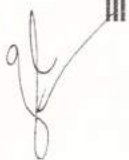
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: thực hiện bằng 20% kế hoạch. Nguyên nhân do chi phí thuế đất tăng cao và một số chi phí bất khả kháng phát sinh trong năm. Ban Giám đốc Công ty đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị trong việc thực hiện các giải pháp đó là:

+ Tăng thu: Điều chỉnh giá các dịch vụ của Công ty như giá thuê kho, tăng cường tiếp thị để duy trì hệ số thuê kho ở mức cao.

+ Sắp xếp hợp lý lao động hiện có, hạn chế việc tuyển dụng lao động thay thế các vị trí nghỉ chế độ.

+ Lập kế hoạch và triển khai tiết giảm tối đa chi phí như vật rẻ mau hỏng, văn phòng phẩm, điện, nước...

Kết quả: sau khi triển khai hàng loạt các biện pháp, giải pháp trên Công ty đã hoàn thành được nghĩa vụ với Nhà Nước, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động.





2. Tổ chức và nhân sự

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Vị trí hiện tại
1.	Bùi Hồng Sơn	24/9/1970	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển	Chủ tịch HĐQT Công ty
2.	Phạm Quốc Phong	05/01/1950	Kỹ sư Điện	Phó chủ tịch HĐQT Công ty
3.	Lê Thúy Hạnh	31/10/1961	Cử nhân kinh tế	Ủy viên HĐQT Công ty
4.	Vũ Hữu Tuyển	10/07/1974	Kỹ sư bảo hộ lao động	Ủy viên HĐQT Công ty
5.	Nguyễn Anh Tuấn	01/11/1975	Thạc sỹ quản lý kinh tế	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty - Đại diện theo pháp luật của Công ty
6.	Phạm Minh Tú	06/12/1979	Cử nhân kinh tế	Trưởng ban kiểm soát Công ty
7.	Đỗ Văn Thi	20/02/1970	Cử nhân kinh tế	Thành viên BKS Công ty
8.	Nguyễn Đức Duy	21/12/1988	Cử nhân kinh tế	Thành viên BKS Công ty
9.	Đình Quang Tùng	11/11/1977	Kiến trúc sư xây dựng	Phó Giám đốc Công ty
10.	Hà Phi Long	07/02/1959	Cử nhân kinh tế Vận tải ô tô	Phó Giám đốc Công ty
11.	Dương Bảo Kiên	19/06/1965	Cử nhân KT Xây dựng	Kế toán trưởng Công ty

- Những thay đổi trong Ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): Thay đổi

+ Ông Nguyễn Thanh Nam thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 20/4/2019 (Nghị quyết số 124/NQ-HĐQT ngày 20/4/2019).

+ Ông Bùi Hồng Sơn - Đại diện vốn Tổng Công ty Vận tải Hà Nội giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty từ 20/4/2019 (Nghị quyết số 124/NQ-HĐQT ngày 20/4/2019).

+ Ông Hà Phi Long – Phó Giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 1/3/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động có tên trong danh sách của Công ty Cổ Phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội đến thời điểm 31/12/2019 là 92 người.

Báo cáo thường niên năm 2019



Cơ cấu nhân sự được tổng hợp như sau:

Tên chi	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	33	36%
Trình độ cao đẳng, trung cấp	11	12%
Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	24	26%
Công nhân PT và LĐ khác	24	26%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92</b>	<b>100%</b>

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	26.911.702.520	25.736.991.833	-4.4%
Doanh thu thuần	28.412.472.876	29.150.833.027	2.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	685.406.175	157.141.321	-77.1%
Lợi nhuận khác	(18.340.580)	(36.597.169)	99.5%
Lợi nhuận trước thuế	667.065.595	120.544.152	-81.9%
Lợi nhuận sau thuế	516.406.829	65.835.888	-87.3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.36	1.68
+ Hệ số thanh toán nhanh:		1.32	1.61
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.29	0.26
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		0.41	0.35

Báo cáo thường niên năm 2019

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần		1.06	1.13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			1.8	0.23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			2.7	0.35
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%		1.9	0.26
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			2.4	0.54

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Đến 31/12/2019, tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hóa Hà Nội là 1.440.000 CP

Trong đó :

- Số cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng đang lưu hành: 1.300.420 CP
- Số cổ phần ưu đãi, hạn chế chuyển nhượng: 139.580 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên có quyền biểu quyết.	1.258.560	87.40%	0	0
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	78.000	5.42%	0	0
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	103.440	7.18%	0	0

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2019, công ty không thực hiện giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Tình hình kinh tế trong nước có dấu hiệu tăng trưởng phát triển, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp. Điều này đã tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty vốn phụ thuộc vào thị trường luân chuyển tiêu thụ hàng hóa.

- Chi phí của doanh nghiệp đều tăng do có sự thay đổi chế độ chính sách của Nhà nước như: Tiền thuê đất, BHXH, BHYT, BHTN,... và thực hiện Luật Môi trường, Luật phòng cháy chữa cháy.

**Báo cáo thường niên năm 2019**



- Nguồn tài chính của Công ty còn hạn hẹp trong khi việc vay hoặc huy động vốn từ các nguồn khác để triển khai các dự án đầu tư và duy tu cơ sở vật chất kỹ thuật gặp rất nhiều khó khăn.

- Cơ sở hạ tầng đầu tư từ lâu đã xuống cấp làm cho chi phí duy tu sửa chữa tăng cao hơn so với dự kiến, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh.

- Tình hình trật tự trị an, an toàn cho cơ sở bến bãi vẫn diễn biến phức tạp. Nguy cơ mất an toàn, cháy nổ rất lớn và đặc biệt đối với công tác quản lý nhà kho, ki ốt, trông giữ phương tiện.

Trước những khó khăn trên do định hướng đúng mục tiêu đầu tư kinh doanh, kết hợp làm tốt công tác thị trường và tiết giảm chi phí Công ty đã hoàn thành được nghĩa vụ với Nhà Nước và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU			
Doanh thu hoạt động kinh doanh	28.412.472.876	29.150.833.027	2.6%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	667.065.595	120.544.152	-82%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	516.406.829	65.835.888	-87%

## 2. Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

1. Tài sản ngắn hạn	10.677.969.353	11.354.413.262	6%
2. Tài sản dài hạn	16.233.733.167	14.382.578.571	-11%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>26.911.702.520</b>	<b>25.736.991.833</b>	<b>-4%</b>

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục cải tạo hệ thống Phòng cháy chữa cháy, hệ thống điện và sửa chữa một số nhà kho, ki ốt đã cũ để đảm bảo an toàn trong hoạt động SXKD.

11.01.2020

- Ổn định phát triển sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn. Đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động trong Công ty.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.*

Hội đồng quản trị đánh giá cao về công tác điều hành và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty vì mặc dù sản lượng trông giữ xe tải giảm mạnh, chi phí cho người lao động và các chi phí khác theo quy định Nhà nước tiếp tục tăng. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có những giải pháp kịp thời tăng doanh thu, giảm chi phí nhằm đảm bảo vẫn có lợi nhuận và hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu chính do Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.*

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ điều hành sản xuất, kinh doanh, báo cáo kịp thời các nội dung đề nghị và trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, các quy định của pháp luật;

- Giám đốc thực hiện nghiêm túc việc báo cáo định kỳ về tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo hàng quý được Giám đốc báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Giám đốc và định kỳ thường xuyên tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và triển khai giao kế hoạch công việc.

- Ban Giám đốc nhận thức rõ những khó khăn, thách thức và thuận lợi của Công ty nên đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh dịch vụ, đồng thời ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát ngay từ Ban điều hành và công tác quản lý cấp trung.

- Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định về chế độ đối với người lao động Công ty.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

- Bảo toàn vốn, tiếp tục giữ vững ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện thị trường, môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn, duy trì và phát triển thị phần, đảm bảo đời sống, việc làm cho đội ngũ cán bộ công nhân lao động toàn Công ty;

- Đảm bảo công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Đảm bảo lợi nhuận, hiệu quả theo kế hoạch năm 2020.

**Báo cáo thường niên năm 2019**



**V. Quản trị công ty:**

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu/HĐN sở hữu tại 31/12/2019	Tỷ lệ (%)
1.	Bùi Hồng Sơn	Chủ tịch HĐQT	260.000 CP (Đại diện vốn Tổng Cty VT HN)	18,06%
2.	Phạm Quốc Phong	Phó Chủ tịch HĐQT	139.580 CP	9,69%
3.	Lê Thúy Hạnh	Thành viên HĐQT	360.000 CP (Đại diện vốn Công ty Ciri)	25%
4.	Vũ Hữu Tuyền	Thành viên HĐQT	210.000 CP (Đại diện vốn Tổng Cty VT HN)	14,58%
5.	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty.	210.000 CP (Đại diện vốn Tổng Cty VT HN)	14,58%

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

1.	Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT	27/2/2019	Về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2.	Nghị quyết số 93/NQ-HĐQT	04/04/2019	Về việc Thông qua Chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.
3.	Quyết định số 124/QĐ-HĐQT	20/04/2019	Về việc Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4.	Nghị quyết số 234/NQ-HĐQT	29/08/2019	Về việc Phê duyệt Dự toán chi phí và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Cải tạo hệ thống PCCC tại địa điểm 27/785 Trương Định, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

**Báo cáo thường niên năm 2019**

5.	Nghị quyết số 266/NQ-HĐQT	26/9/2019	Về việc: Phê duyệt chủ trương cải tạo Hệ thống điện tại 27/785 Trương Định, Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
6.	Nghị quyết số 296/NQ-HĐQT	25/10/2019	Về việc: Chi trả hết nợ cổ tức 2 năm 2012,2013

a) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

1.	05/04/2019	Biên bản họp BKS số 01.19/BB-BKS: Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; Thù lao của BKS năm 2019 và Thống nhất đơn vị kiểm toán độc lập BCTC 2019 để trình ĐHĐCĐ phê duyệt; Phân công trách nhiệm hoàn thành báo cáo của BKS năm 2018.
2.	05/09/2019	Biên bản họp BKS số 02.19/BB-BKS: Thông báo về chương trình kiểm soát các hoạt động của Công ty và Hội đồng quản trị năm 2019 của Ban Kiểm soát để phục vụ công tác lập Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2019 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát có lương quản lý theo quy định của Điều lệ Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thù lao, chi phí của Hội đồng quản trị:

+ HĐQT Công ty gồm 05 người với 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 thành viên.

+ Thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ không chuyên trách 04.

+ Thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ chuyên trách 01

+ Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2019: 82.500.000 đồng. Trong đó mỗi thành viên HĐQT hưởng mức thù lao 1.500.000đ/tháng. Riêng trường hợp ông Nguyễn Anh Tuấn

- Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty hưởng thù lao HĐQT từ Tháng 1 đến hết Tháng 7/2019, từ Tháng 8/2019 thực hiện Kết luận của Thanh tra Bộ Lao động, TB và XH đã dừng việc chi trả thù lao HĐQT.

- Thù lao, chi phí của Ban Kiểm soát:

**Báo cáo thường niên năm 2019**



- + BKS Công ty gồm 03 người với 01 trưởng ban, và 02 ủy viên.
  - + Thành viên BKS hoạt động theo chế độ bán chuyên trách, mọi chi phí hoạt động của BKS được lấy từ nguồn thù lao của BKS theo đúng quy định.
- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của BKS năm 2019: 36.000.000 đồng, trong đó thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát là 18.000.000 đồng.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.**

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hóa Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		2018	Năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+1340+140+150)</b>		<b>11.354.413.262</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>6.716.751.073</b>
111	1. Tiền		2.416.751.073
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.300.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>531.480.496</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	531.480.496
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.647.548.696</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	2.718.142.519
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	409.474.711
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.253.895.226
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(733.963.760)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		
141	1. Hàng tồn kho		
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>458.632.997</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	29.654.003
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.039.583
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	424.939.411
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>		<b>14.382.578.571</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		
216	6. Phải thu dài hạn khác		
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		

**Báo cáo thường niên năm 2019**



220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.717.146.099</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	5.704.195.043
222	Nguyên giá		31.429.864.947
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.725.669.904)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
225	Nguyên giá		
226	Giá trị hao mòn lũy kế		
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	12.951.056
228	Nguyên giá		569.841.218
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(556.890.162)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.10</b>	<b>7.851.452.427</b>
231	Nguyên giá		8.668.659.843
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(817.207.416)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>183.245.200</b>
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	183.245.200
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>200.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	200.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>430.734.845</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	430.734.845
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		
268	4. Tài sản dài hạn khác		
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>25.736.991.833</b>
Mã số	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.767.163.977</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.767.163.977</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	361.997.825
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	859.014.476
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	437.314.772
314	4. Phải trả người lao động		335.873.300
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	314.082.364
316	6. Phải trả nội bộ		
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.16	183.199.921
319	9. Phải trả, ngắn hạn khác	V.17	4.206.436.680
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.18	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	69.244.639
323	13. Quỹ bình ổn giá		
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		

Báo cáo thường niên năm 2019

331	1. Phải trả người bán dài hạn		
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
337	7. Phải trả dài hạn khác		
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>18.969.827.856</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.20</b>	<b>18.969.827.856</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		14.400.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		
415	5. Cổ phiếu quỹ		
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		2.715.337.961
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.854.489.895
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		
431	1. Nguồn kinh phí		
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>25.736.991.833</b>





**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

			Năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	29.150.833.027
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.150.833.027
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	22.010.172.361
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.140.660.666
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	284.530.269
22	7. Chi phí tài chính		
25	8. Chi phí bán hàng		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	7.268.049.614
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		157.141.321
31	11. Thu nhập khác	VI.5	44.400.000
32	12. Chi phí khác	VI.6	80.997.169
40	13. Lợi nhuận khác		(36.597.169)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		120.544.152
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.14	54.708.264
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		65.835.888
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	37
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	37

Báo cáo thường niên năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>120.544.152</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>	<b>2.278.215.211</b>
Khấu hao tài sản cố định	<b>619.607.740</b>
Các khoản dự phòng	
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư/	<b>(275.894.679)</b>
Chi phí lãi vay	
Các khoản điều chỉnh khác	
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</b>	<b>2.742.472.424</b>
<b>động</b>	<b>(239.108.695)</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	
(Tăng) giảm hàng tồn kho	
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	<b>(613.245.194)</b>
(Tăng) giảm chi phí trả trước	<b>(243.815.419)</b>
(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh	
Tiền lãi vay đã trả	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	<b>(266.579.484)</b>
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	<b>(34.036.727)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.345.686.905</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	<b>(183.245.200)</b>
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	
khác	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	<b>(531.480.496)</b>
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	<b>1.100.000.000</b>
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	<b>227.443.894</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>612.718.198</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	

**Báo cáo thường niên năm 2019**



Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp của doanh nghiệp đã phát hành	
Tiền thu từ đi vay	
Tiền trả nợ gốc vay	
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(231.801.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>	<b>(231.801.250)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>1.726.603.853</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4.990.147.220</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>6.716.751.073</b>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn